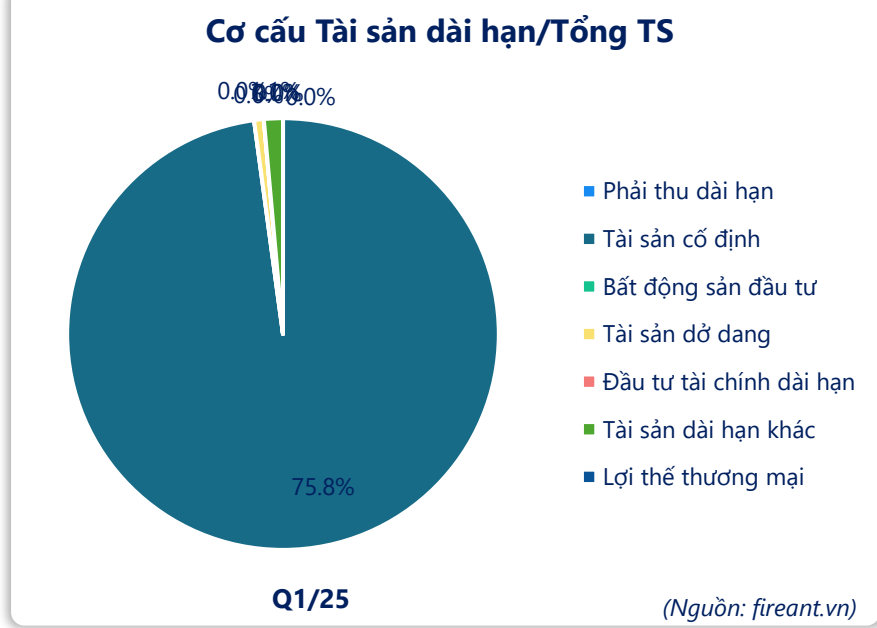
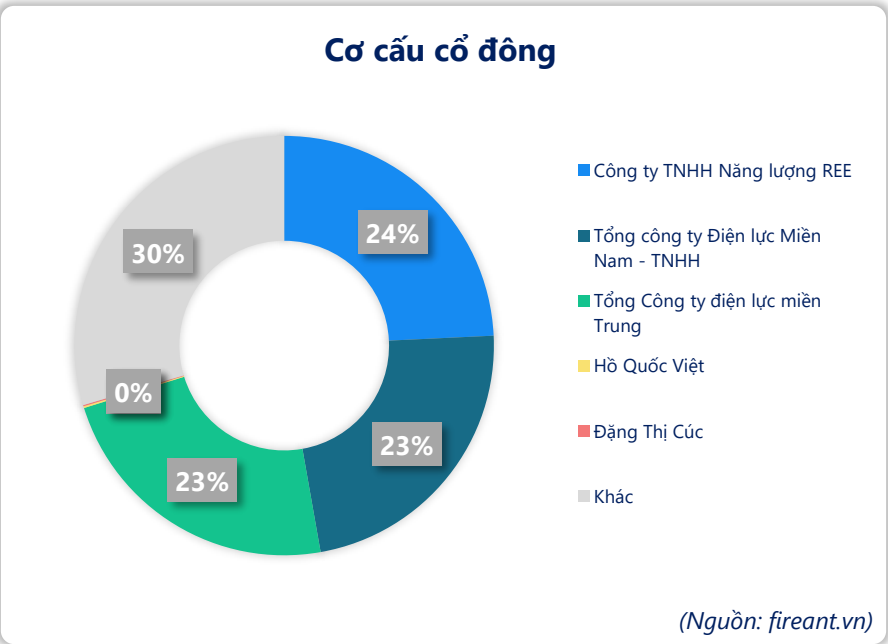
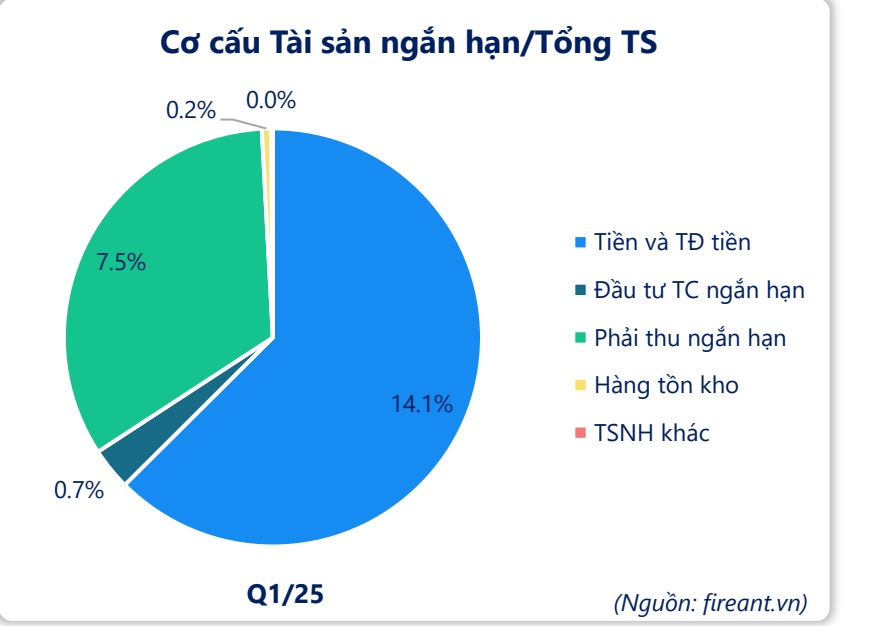
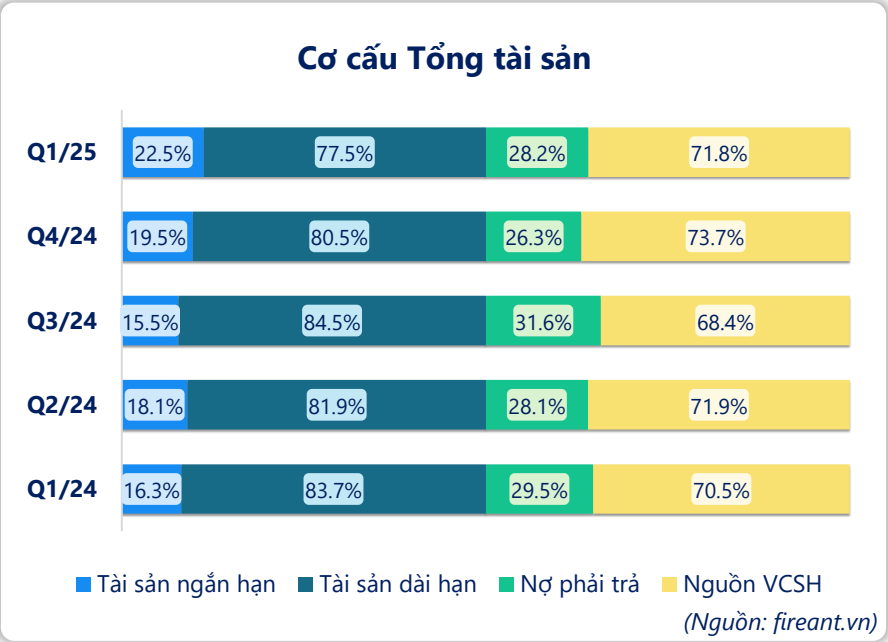
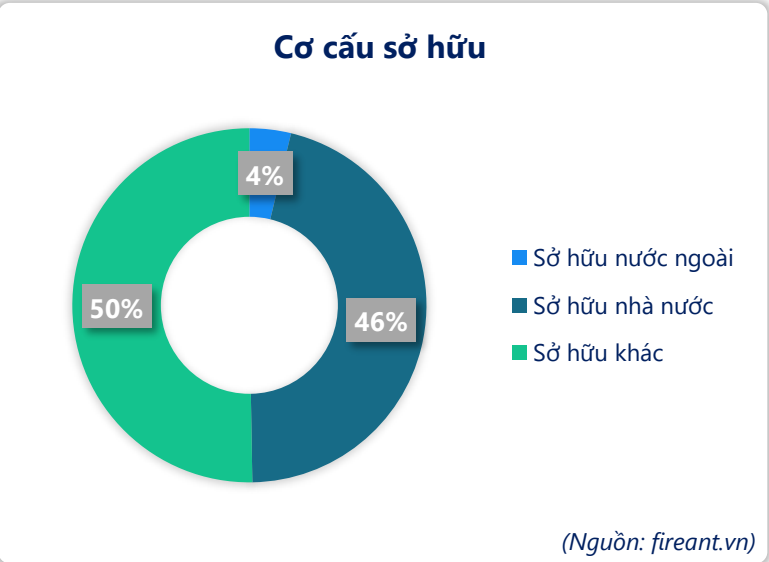
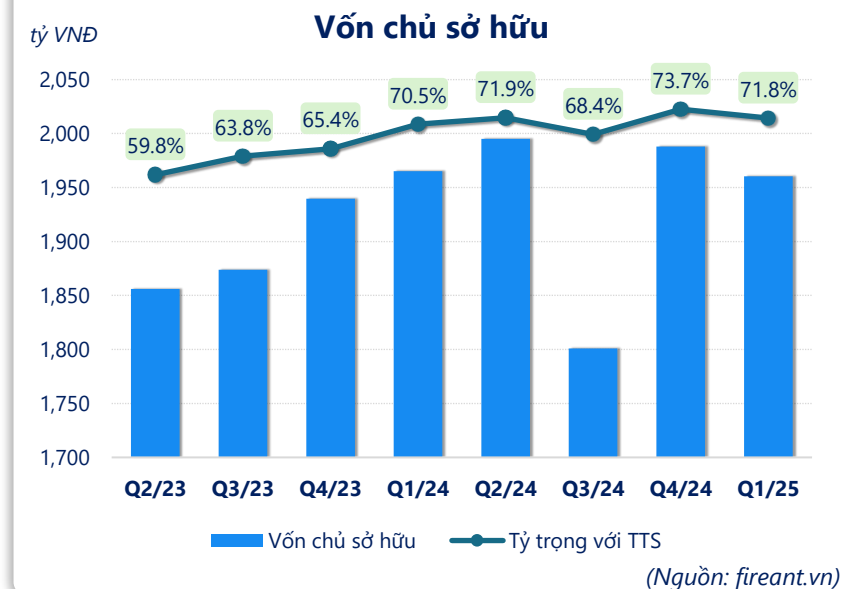
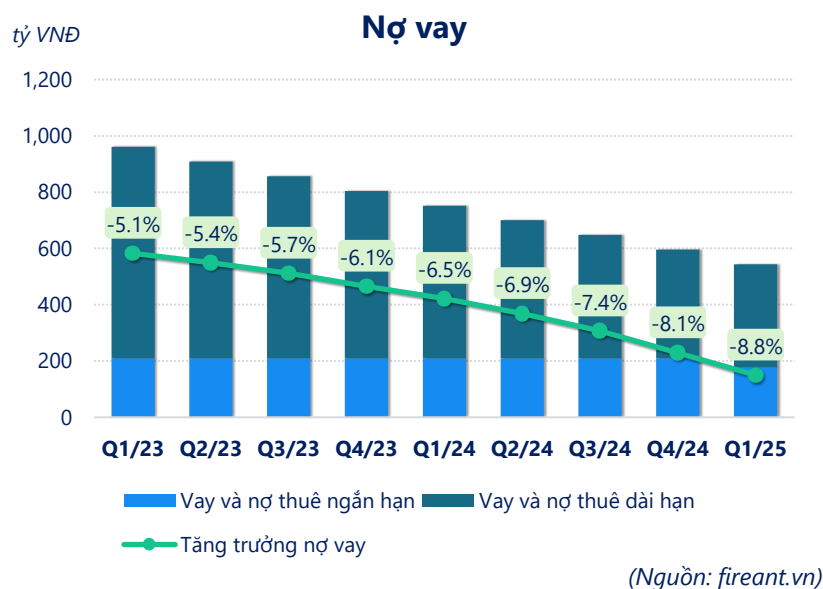
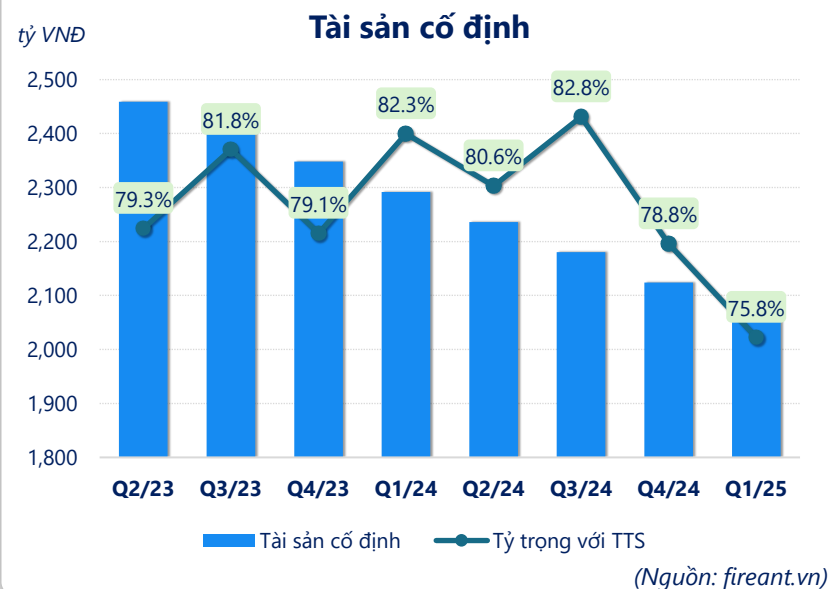
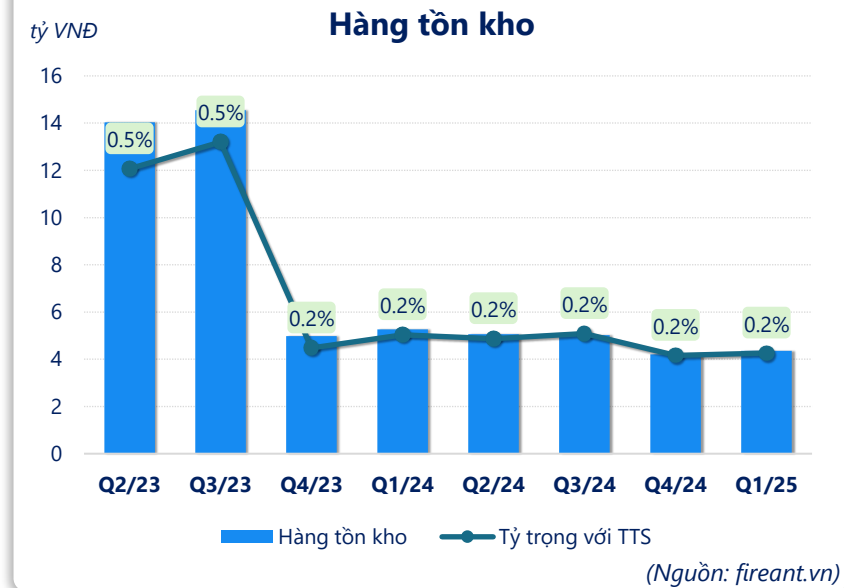
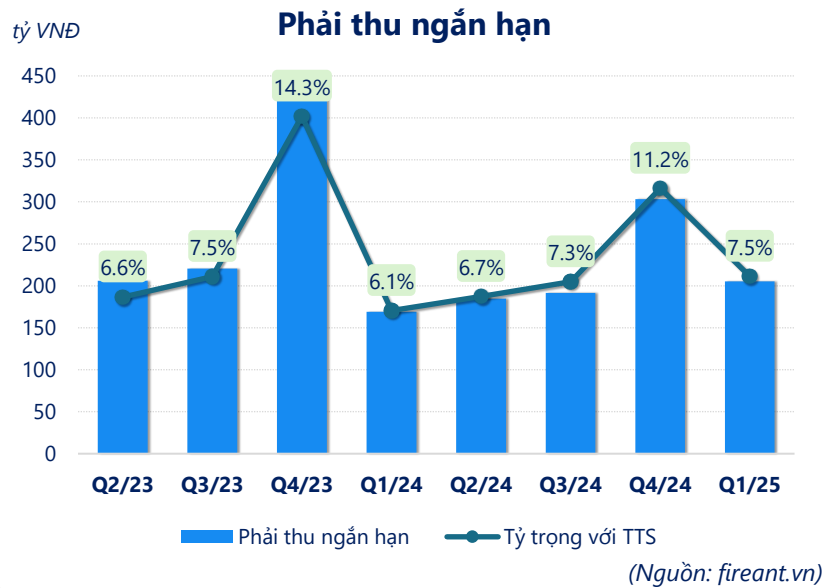
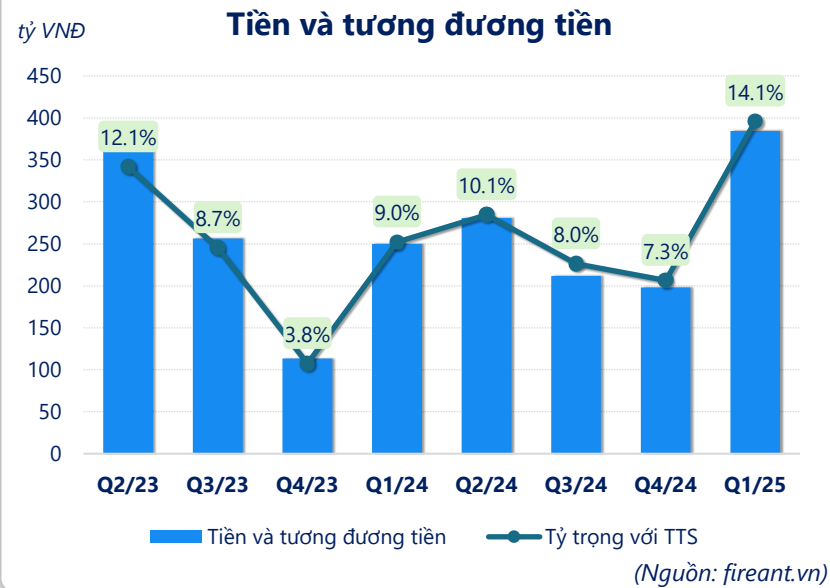
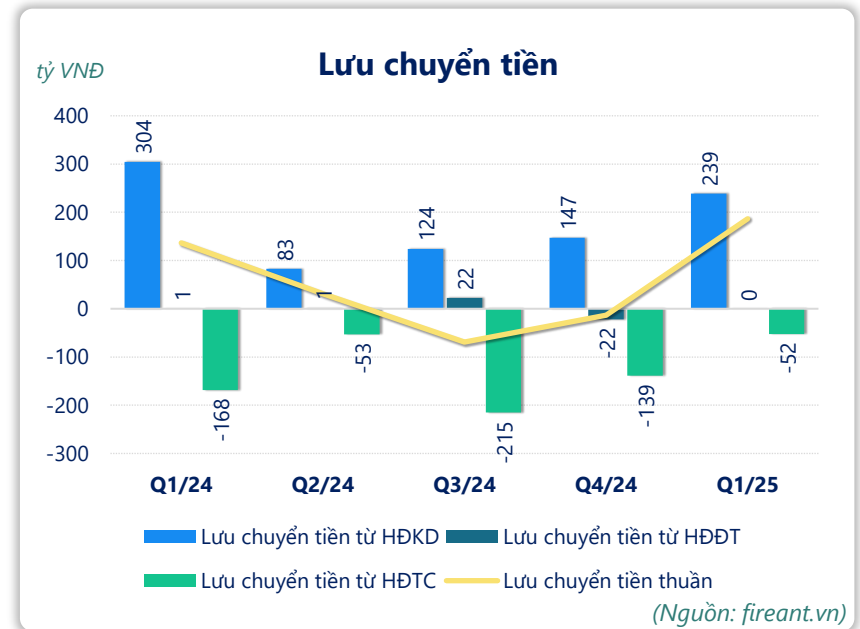
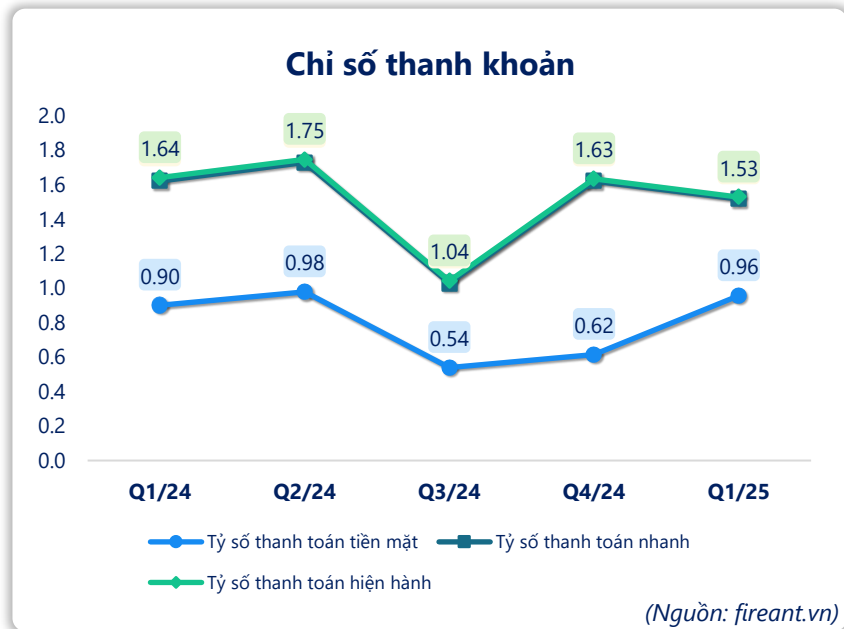
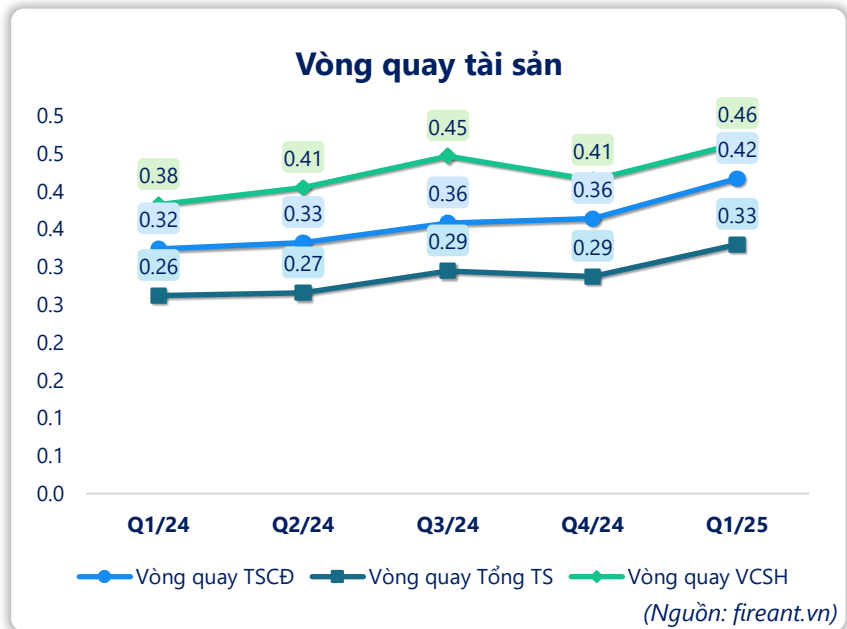
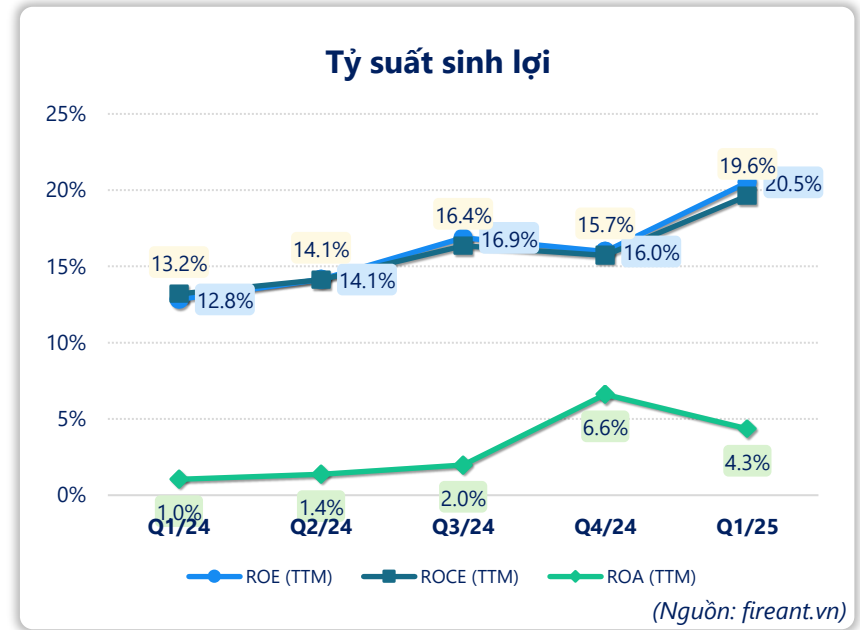
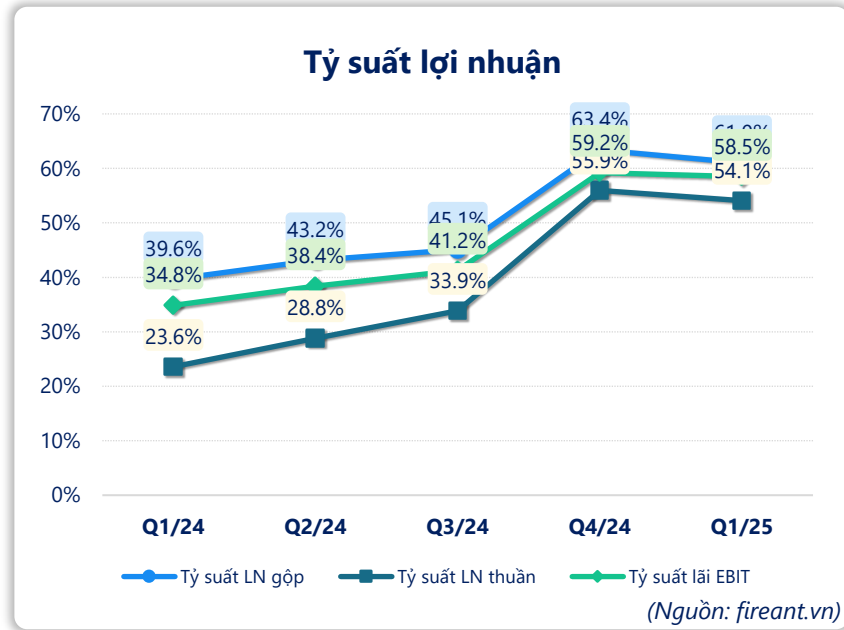
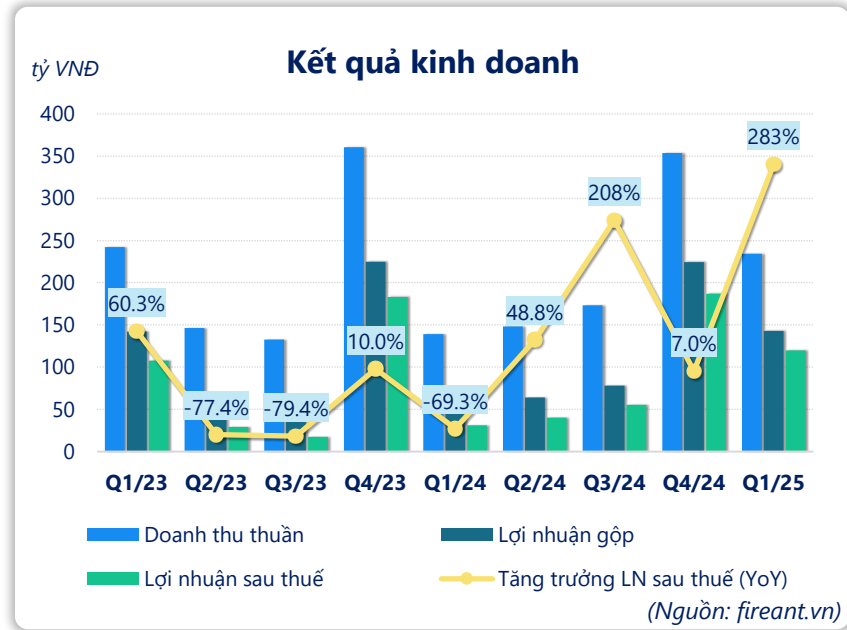


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		34,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		38,307
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		27,335
SL cổ phiếu LH		146,912,668
KLGD BQ 20 phiên (CP)		49,445
% sở hữu nước ngoài		3.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		5,068
P/E		12.6
EPS		2,741

	YTD	1T	3T	6T
CHP	5.3%	0.8%	5.6%	8.7%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,729	2,696	1.2%
Tài sản ngắn hạn	615	525	17.0%
Tiền và tương đương tiền	384	198	94.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.0	20.0	0.0%
Phải thu ngắn hạn	205	303	-32.3%
Hàng tồn kho	4.36	4.21	3.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.87	0.36	142%
Tài sản dài hạn	2,115	2,171	-2.6%
Phải thu dài hạn	0.12	0.12	0.0%
Tài sản cố định	2,069	2,124	-2.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	15.3	13.1	16.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.13	0.13	0.0%
Tài sản dài hạn khác	29.9	33.3	-9.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	769	708	8.5%
Nợ ngắn hạn	402	322	25.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	177	209	-15.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	22.2	23.6	-6.0%
Nợ dài hạn	366	387	-5.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	366	387	-5.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,960	1,988	-1.4%
Vốn chủ sở hữu	1,960	1,988	-1.4%
Vốn điều lệ	1,469	1,469	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	139	148	173	354	234
Giá vốn hàng bán	83.9	84.3	95.1	130	91.4
Lợi nhuận gộp	55.1	64.0	78.1	224	143
Doanh thu HĐTC	1.10	1.61	2.41	1.16	2.30
Chi phí TC	15.7	14.1	12.9	11.5	10.3
Chi phí lãi vay	15.7	14.1	12.9	11.5	10.3
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	7.76	8.69	8.94	15.9	8.21
LN thuần từ HĐKD	32.8	42.7	58.6	198	127
Lợi nhuận khác	0	-0.01	-0.12	0	0
LN trước thuế	32.8	42.7	58.5	198	127
Lợi nhuận sau thuế	31.0	40.3	55.3	187	120
LNST của CĐ cty mẹ	31.0	40.3	55.3	187	120

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	304	82.7	124	147	239
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.76	1.10	22.3	-21.7	0.01
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-168	-52.9	-215	-139	-52.3
Tiền đầu kỳ	113	250	281	212	198
Lưu chuyển tiền thuần	136	31.0	-69.0	-13.7	186
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	250	281	212	198	384

(Nguồn: fireant.vn)